

Ngày soạn: 23/09 /2024	Dạy	Ngày	03/10 /2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

**BÀI 2.****TRUYỆN THƠ NÔM(12 TIẾT)****A. MỤC TIÊU CHUNG****1. Kiến thức**

- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của điển cố, điển tích.
- Viết được bài nghị luận phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.
- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.

**2. Năng lực****Năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

**Năng lực đặc thù**

- Năng lực thưởng thức và cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, cảnh vật;
- Biết cảm thông, chia sẻ; có khát vọng tự do; có tinh thần trọng nghĩa.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Giáo viên**

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về thể loại và kỹ năng đọc hiểu và các văn bản truyện thơ Nôm; phiếu học tập, video giới thiệu tác giả Nguyễn Du, Truyện Kiều; khúc ngâm đoạn trích Kiều, khúc ngâm Lục Vân Tiên cưới Kiều Nguyệt Nga.

- Máy tính, máy chiếu, loa, giấy A4, bút bi nhiều màu,...

## 2. Học sinh

- Tài liệu liên quan đến kiến thức về thể loại truyện thơ Nôm, các yếu tố thời đại, tiểu sử, sự nghiệp... của tác giả Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu; kiến thức về điển cố, điển tích; yếu tố đối thoại và độc thoại nội tâm; cách xác định chủ đề trong văn bản truyện.

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,...), hồ sơ học tập (phiếu học tập, sơ đồ tư duy, bảng biểu...).

## C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Tuần 4-TIẾT 15,16:ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

#### Văn bản 1. Cảnh ngày xuân

(Trích *Truyện Kiều*)

NGUYỄN DU

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức

- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

### 2. Năng lực

#### *Năng lực chung*

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

#### *Năng lực đặc thù*

- Năng lực thưởng thức và cảm thụ văn học

### 3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, cảnh vật; biết cảm thông, chia sẻ; có khát vọng tự do.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về thể loại và kỹ năng đọc hiểu và các văn bản truyện truyền thơ Nôm; phiếu học tập, video giới thiệu tác giả Nguyễn Du, Truyện Kiều; khúc ngâm đoạn trích Kiều

- Máy tính, máy chiếu, loa, giấy A4, bút bi nhiều màu,...

## 2. Học sinh

- Tài liệu liên quan đến kiến thức về thể loại truyện thơ Nôm, các yếu tố thời đại, tiểu sử, sự nghiệp... của tác giả Nguyễn Du; kiến thức về điển cố, điển tích; yếu tố đối thoại và độc thoại nội tâm; cách xác định chủ đề trong văn bản truyện.

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,...), hồ sơ học tập (phiếu học tập, sơ đồ tư duy, bảng biểu...).

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học, thu hút sự chú ý của HS, tạo kiến thức nền qua những thông tin ban đầu về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều; kết nối, giới thiệu văn bản.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp trực quan và kỹ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn HS khai thác thông tin từ video, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

#### **d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu: *Xem video và ghi chép lại những thông tin về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.*

- HS xem video giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du, độc lập thực hiện yêu cầu.

- GV gọi 2- 3 HS chia sẻ những thông tin ghi chép được.

- GV cùng HS khác lắng nghe, kết nối vào bài học.

*(Ví dụ: Qua xem video, các em đã biết và ghi chép được một số thông tin ban đầu về tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều - đó là những kiến thức rất hữu ích để các em tiếp tục tìm hiểu thể loại Truyện thơ Nôm và thực hiện đọc hiểu một trong những đoạn trích hay nhất của Truyện Kiều – Cảnh ngày xuân!)*

### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

#### **a. Mục tiêu**

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.
- Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học; Xác định được vị trí của đoạn trích trong truyện thơ, chủ đề của đoạn trích.
- Xác định và phân tích được nội dung chủ đề của đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, hài hoà với sự trẻ trung, xao xuyến của lòng người được khắc hoạ qua từ ngữ, hình ảnh, bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình của Nguyễn Du.
- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, cảnh vật và con người, nghệ thuật sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật khác,...trong đoạn trích;
- Hiểu được tình yêu đối với vẻ đẹp thiên nhiên, với bản sắc văn hóa dân tộc và sự tinh tế trong cảm nhận tâm trạng con người của Nguyễn Du. Từ đó, bồi đắp tình yêu thiên nhiên, con người, trân trọng những giá trị truyền thống dân tộc.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm, nêu vấn đề và KTDH động não, khăn trải bàn, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản “Cảnh ngày xuân”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV-HS	Sản phẩm cần đạt
<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b>  <b>*NV1: Tìm hiểu về truyện thơ Nôm</b>  <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>                      GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ về truyện thơ Nôm                      ? Trình bày những hiểu biết của em về Truyện thơ Nôm  <b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</b>                      - Học sinh hoàn thành sơ đồ tư duy, chia sẻ.                      - Giáo viên khích lệ HS.  <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b>                      - GV gọi một vài HS phát biểu.</p>	<p><b>I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG</b>  <b>1. Khám phá tri thức ngữ văn</b>                      - Hoàn thành sơ đồ tư duy về truyện thơ Nôm:                      a. Hình thành vào thế kỉ XVI - XVII; phát triển mạnh mẽ vào thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX.                      b. Chữ Nôm                      c. Thể thơ Đường luật; thể thơ song thất lục bát; thể thơ lục bát (chủ đạo).                      d. Cốt truyện: tiếp thu từ văn học dân gian, văn học nước ngoài, do các tác giả tự sáng tạo; mô hình cốt truyện: <i>gặp gỡ - chia li - đoàn tụ.</i></p>

<p>- Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá, kết luận</b> GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.</p> <p><i>* NV2: Tìm hiểu thông tin về tác giả Nguyễn Du</i></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu: <i>Qua tìm hiểu bài ở nhà và phân ghi chép thông tin ở hoạt động Mở đầu, hãy trình bày những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Du.</i></p> <p><b>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS: độc lập chuẩn bị thông tin về tác giả.</p> <p>- GV gọi 1-2-3 HS chia sẻ; HS khác lắng nghe, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV: tổng hợp thông tin, chiếu chân dung và chốt những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Du: Cuộc đời của Nguyễn Du từng trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, lại đi nhiều, tiếp xúc nhiều nên tác giả có 1 vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng lớn đến phong cách sáng tác của ông, ngòi bút của Nguyễn Du thấm đẫm tinh thần</p>	<p>Nhân vật chính là những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng gặp nhiều thử thách trong cuộc sống; nhiều nhân vật được khắc họa ở cả ngoại hình, lời nói, hành động và tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc; lời thoại của nhân vật được chú ý ở cả hai hình thức: đối thoại và độc thoại</p> <p><b>2. Tác giả Nguyễn Du</b></p> <p>- Nguyễn Du (1765-1820), tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê Hà Tĩnh.</p> <p>- Ông là đại thi hào dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới.</p> <p>- Ông là nhà nhân đạo chủ nghĩa, là thiên tài văn học và là một bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn từ.</p> <p>- Ông đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của ngôn ngữ dân tộc Việt Nam.</p>
--	---

nhân đạo, từng dòng chữ mang đầy tính nhân văn. Nguyễn Du là 1 thiên tài văn học, 1 đại thi hào của dân tộc. Sự nghiệp văn học của ông thành công rực rỡ ở cả chữ Hán lẫn chữ Nôm. Thơ chữ Hán có 3 tập: *Thanh Hiên thi tập*, *Nam Trung tạp ngâm*, *Bắc Hành tạp lục*, tất cả gồm 243 bài. Sáng tác chữ Nôm gồm *Truyện Kiều* và Văn chiêu hồn. trong đó xuất sắc nhất là *Truyện Kiều*, còn gọi là Đoạn trường tân thanh.

**\* NV3: Tìm hiểu chung về tác phẩm *Truyện Kiều***

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv yêu cầu HS trao đổi nhóm cặp hoàn thành PHT số 1:

<b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</b>	
<b><i>Tìm hiểu chung về Truyện Kiều</i></b>	
<b>Yêu cầu</b>	<b>Nội dung</b>
1. Thể loại	..... .....
2. Hoàn cảnh sáng tác	..... ..... .....
3. Nguồn gốc, xuất xứ	..... ..... .....
4. Đề tài, nội dung, bố cục	- Gồm bao nhiêu câu thơ? Kể về việc gì? ..... .....
	- Bố cục: .....

**3. Tác phẩm *Truyện Kiều***

- Thể loại truyện thơ Nôm: là thể loại tự sự bằng thơ kết hợp giữa tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, thường sử dụng thể thơ lục bát.

- Hoàn cảnh sáng tác: Theo nhiều giả thuyết ghi lại, Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* sau chuyến đi sứ Trung Quốc. Tuy nhiên lại có thuyết cho rằng, ông viết “*Truyện Kiều*” trước khi đi sang Trung Quốc, khoảng cuối thời Lê đầu thời kỳ Tây Sơn.

- Nguồn gốc, xuất xứ: dựa trên cốt truyện của tác phẩm văn xuôi chữ Hán *Kim Vân Kiều Truyện* - tác giả Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).

- Đề tài: Người phụ nữ (trong xã hội phong kiến xưa)

- Nội dung: gồm 3254 câu thơ lục bát kể về cuộc đời và số phận của nhân vật chính Vương Thúy Kiều.

- Bố cục: chia thành ba phần

+ Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước;

+ Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc;

	<p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Phần thứ ba: Đoàn tụ</p> <p>- Giá trị nổi bật:</p>
<p>5. Giá trị nội dung</p>	<p>- Giá trị hiện thực:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Giá trị nhân đạo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Giá trị nội dung:</p> <p>++ Giá trị hiện thực: là bức tranh sinh động về một xã hội bất công, tàn bạo; là hiện thực về số phận con người bị chà đạp, áp bức, đau khổ.</p> <p>++ Giá trị nhân đạo: là tiếng nói đề cao tình yêu, tự do, khát vọng công lý và ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người; là tiếng nói xót thương, cảm thông với nỗi đau khổ của con người mà đặc biệt là người phụ nữ.</p>
<p>6. Giá trị nghệ thuật</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Giá trị nghệ thuật:</p>
<p><b>Đánh giá chung về Truyện Kiều</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		<p>++ Nghệ thuật tự sự phát triển vượt bậc: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật tả cảnh.</p> <p>++ Nghệ thuật ngôn từ và thể loại đạt đến đỉnh cao.</p>
<p><b>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS dựa trên thông tin cá nhân đã chuẩn bị ở nhà, trao đổi thông nhất nhóm cặp để hoàn thành PHT.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV gọi 1 nhóm HS bất kì chiếu PHT và trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV tổng hợp, chốt kiến thức, yêu cầu HS đọc phần tóm tắt nội dung Truyện Kiều (SGK-Tr35); đồng thời mở rộng một số thông tin về tác phẩm Truyện Kiều:</p>		<p>→ Truyện Kiều hội tụ được những giá trị văn hoá, nghệ thuật của văn học dân tộc và tinh hoa văn học nước ngoài, trong đó, phần sáng tạo của Nguyễn Du là yếu tố quan trọng và quyết định.</p>



+ Thể loại truyện thơ Nôm phát triển mạnh và có nhiều thành tựu vào thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX, hiện nay, còn lại khoảng trên 100 tác phẩm tiêu biểu như: *Truyện Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tụ), *Sơ kính tân trang* (Câu chuyện mới về gương, lược – Phạm Thái), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu),... Thể loại truyện thơ Nôm có khả năng phản ánh sâu rộng hiện thực xã hội thông qua các câu chuyện kể về biến cố trong cuộc đời các nhân vật và cuộc đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm, tình yêu của họ; những câu chuyện này đều mang cảm hứng nhân đạo và giá trị hiện thực sâu sắc.

+ Tác phẩm *Truyện Kiều* đạt đến đỉnh cao về mặt nghệ thuật, xứng đáng là một *kiệt tác văn học*, là “quốc hồn quốc túy” của nền văn học dân tộc - một trong những thành tựu tiêu biểu nhất trong nền *văn học trung đại Việt Nam*.

\* NV4. Đọc và giải thích từ khó.

### Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

(1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản truyện thơ Nôm)

(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?

### Bước 2. Thực hiện NV

- HS đọc lập thực hiện lần lượt các yêu cầu.

### 3. Đoạn trích “Cảnh ngày xuân”

#### a. Đọc và giải thích từ khó

- Hướng dẫn đọc: ngắt nhịp chủ yếu 2/2/2, 4/4; giọng đọc chung nhẹ nhàng, chậm rãi; riêng dòng 5 đến dòng 10 đọc nhịp nhanh gấp hơn; lưu ý phát âm các từ ngữ miêu tả (nô nức, dập dìu, tà tà, thanh thanh, nao nao...)

- Giải thích từ khó:

(1) *Thanh minh*: thời gian vào đầu tháng Ba. Mùa xuân khí trời mát mẻ, mọi người đi tảo mộ, tức đi viếng và sửa sang lại phần mộ của người thân.

(2) *Đạp thanh*: giẫm lên cỏ xanh. Mùa xuân cây cối đâm chồi, nảy lộc, cỏ non lên



<p>- GV gọi 2-3 HS chia sẻ cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản và những lưu ý khi đọc văn bản truyện.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi, định hướng cách đọc và đọc diễn cảm; Gọi 02 HS đọc – nhận xét đọc; đồng thời tổ chức giải thích một số từ ngữ khó và lưu ý HS vì sao khi đọc, cần chú ý các gợi ý ở bên phải VB.</p> <p><b>* HĐ4: Tìm hiểu các thông tin về đoạn trích</b></p> <p>- GV nêu yêu cầu: <i>Xác định vị trí, nội dung và bố cục đoạn trích.</i></p> <p>- HS đọc lập xác định</p> <p>- GV gọi 1-2 HS trình bày; nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức và bổ sung thêm về nội dung và bố cục đoạn trích: Ba phần trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, được kết cấu theo trình tự thời gian, tạo nên một đoạn trích hoàn chỉnh như một bài thơ lớn thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người. Thiên nhiên mỗi lúc một khác cũng như tâm trạng của con người luôn biến động theo thời gian.</p>	<p>xanh biếc. Tiết Thanh minh, đi du xuân trên những đồng cỏ xanh nên gọi là hội Đạp thanh.</p> <p>(3) <i>Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay</i>: chỉ việc đốt đồ hàng mã cúng tế cho người đã chết (thoi vàng vó: giấy làm giả thoi vàng hình hộp chữ nhật; tiền giấy: giấy in hình đồng tiền)</p> <p><b>b. Tìm hiểu chung</b></p> <p>- Vị trí: Đoạn trích nằm ở Phần thứ nhất: <i>Gặp gỡ và đính ước</i>, đoạn tả Kiều cùng hai em đi du xuân, trước khi gặp Kim Trọng.</p> <p>- Nội dung: miêu tả vẻ đẹp của mùa xuân và cảnh chị em Thuý Kiều đi chơi xuân, tham dự vào lễ tảo mộ và lễ hội đạp thanh trong tiết Thanh minh, tháng Ba âm lịch.</p> <p>- Bố cục: ba phần</p> <p>+ Phần 1 (bốn dòng đầu): miêu tả thiên nhiên mùa xuân.</p> <p>+ Phần 2 (tám dòng tiếp theo): khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.</p> <p>+ Phần 3 (còn lại): cảnh chị em Thuý Kiều ra về sau buổi du xuân.</p>
<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p>	<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p>

<p><b>* HĐ 1. Tìm hiểu nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên trong bốn dòng thơ đầu.</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm cặp hoàn thành các nội dung trong PHT số 02 trong thời gian 10 phút.</p>	<p><b>1. Nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên (bốn dòng thơ đầu)</b></p> <p>* Hai câu thơ đầu:</p> <p style="text-align: center;">“Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.”</p> <p>- hình ảnh ẩn dụ: “con én đưa thoi”.</p> <p>→ Gọi những bước đi nhanh, vội của thời gian như những cánh chim vụt bay.</p> <p>- “thiều quang”: tả thực những tia nắng lấp lánh của ngày xuân.</p> <p>→ Gọi một không gian ngày xuân tươi đẹp, rực rỡ, trong lành.</p> <p>- “ngoài sáu mươi”: thời điểm vào tháng ba của mùa xuân – tháng mà thiên nhiên đạt đến độ viên mãn nhất, rực rỡ nhất.</p> <p>=&gt; Hình ảnh thơ gợi về sự chuyển động nhanh, vội của mùa xuân cũng đồng thời thể hiện chút tiếc nuối thời gian của con người.</p> <p>* Hai câu thơ tiếp:</p> <p style="text-align: center;">“Cỏ non xanh tận chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”</p> <p>- hình ảnh “cỏ non”: gợi liên tưởng đến sức sống tràn trề của mùa xuân.</p> <p>- từ “tận”: không gian xuân như được mở rộng bao la, bát ngát.</p> <p>- hình ảnh “cành lê trắng điểm”: trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng làm cho không gian như thoáng đạt, nhẹ nhàng và thanh khiết hơn.</p>												
<p><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02</b></p> <p><i>Tìm hiểu cảnh thiên nhiên mùa xuân (bốn câu thơ đầu)</i></p>													
<p><b>Yêu cầu</b></p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc</th> <th>Ý nghĩa, tác dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>con én đưa thoi</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>thiều quang</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>ngoài sáu mươi</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc	Ý nghĩa, tác dụng	con én đưa thoi	.....	thiều quang	.....	ngoài sáu mươi	.....				
Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc	Ý nghĩa, tác dụng												
con én đưa thoi	.....												
thiều quang	.....												
ngoài sáu mươi	.....												
<p>1. Chỉ rõ và phân tích tác dụng các dấu hiệu nghệ thuật qua các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong hai câu thơ đầu.</p>	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>con én đưa thoi</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>thiều quang</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>ngoài sáu mươi</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	con én đưa thoi	.....	thiều quang	.....	ngoài sáu mươi	.....						
con én đưa thoi	.....												
thiều quang	.....												
ngoài sáu mươi	.....												
<p>2. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ gợi tả cảnh sắc mùa xuân trong hai câu thơ tiếp.</p>	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....												
.....	.....												
.....	.....												
.....	.....												
.....	.....												
.....	.....												
<p>3. Nhận xét chung về bút pháp tả cảnh, từ đó nêu cảm nhận của em về bức tranh</p>													

<p>thiên nhiên mùa xuân trong bốn câu thơ đầu.</p>	<p>- từ “<i>điểm</i>” gợi sự thanh thoát, như đôi tay của người họa sĩ vẽ nên, khiến cảnh vật như sống động, có hồn chứ không tĩnh tại.</p>
<p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS tổ chức nhóm, thảo luận thống nhất hoàn thành PHT; GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>- GV gọi 03 nhóm HS bất kỳ mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận 01 yêu cầu trong PHT; các nhóm còn lại quan sát, lắng nghe, đối chiếu và nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức lần lượt theo từng nội dung yêu cầu và giảng bình: <i>Bốn câu thơ đầu, mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la mênh mông là những cánh én bay qua hay lại như "đưa thoi". Hai chữ "đưa thoi" rất gợi hình, gợi cảm. Cánh én như con thoi vút qua, vút lại, chao liệng; thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh. Câu thành ngữ - tục ngữ: "Thời gian thấm thoắt thoi đưa, như ngựa chạy, như nước chảy qua cầu" đã nhập vào hồn thơ Tố Như tự bao giờ? Hai chữ "trắng điểm" là nhãn tự, cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân trinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: trên cái nền xanh của cỏ non là một vài bông lê "trắng</i></p>	<p>- biện pháp đảo ngữ: đảo từ “<i>trắng</i>” lên trước làm cho sắc trắng hoa lê thêm tinh khôi, như kết tinh những tinh hoa của trời đất.</p> <p>→ Với bút pháp chấm phá tài tình, Nguyễn Du đã rất thành công khi phác họa một bức tranh ngày xuân khoáng đạt, tinh khôi, trong trẻo và tràn trề sức sống. Đồng thời, gợi lên được bao cảm xúc tươi vui, phấn chấn cũng như chút băng khuâng, tiếc nuối trong lòng nhân vật trữ tình.</p>

<p>điểm". Giữa diện và điểm, giữa nền xanh và sắc trắng của cảnh vật mùa xuân là những cánh én "đưa thoi", là màu hồng của ánh thiêu quang, là "khát vọng mùa xuân" ngây ngất, say đắm lòng người: Nhìn hoa đang hé tung búp, /Khao khát mùa xuân yên vui lại đến. (Ca khúc khát vọng mùa xuân - Mô-da). Cảnh mùa xuân là bức tranh xuân hoa lệ, là văn thơ tuyệt bút của Nguyễn Du để lại cho đời, điểm tô cho cuộc sống mỗi chúng ta.</p> <p><b>*HD 2. Tìm hiểu nghệ thuật miêu tả cảnh lễ hội trong tám dòng thơ tiếp theo</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>Phân tích những tám dòng thơ tiếp để thấy Nguyễn Du đã khắc hoạ một cách sống động lễ hội mùa xuân qua cảnh tiết Thanh minh.</p> <p><i>*Gợi ý:</i></p> <p>(1) Có những hoạt động nào trong tết Thanh minh? Từ ngữ nào trong hai dòng thơ đầu đã thể hiện rõ điều đó?</p> <p>(2) Không khí lễ hội ngày xuân được tái hiện như thế nào (từ ngữ, hình ảnh) trong 6 dòng thơ tiếp theo?</p> <p>(3) Đánh giá chung về: việc sử dụng ngôn ngữ miêu tả trong tám dòng thơ và thái độ, tình cảm của nhà thơ đối với giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS nghe hướng dẫn và gợi ý, trao đổi thống nhất vấn đề theo nhóm bàn.</p>	<p><b>2. Nghệ thuật miêu tả cảnh lễ hội (tám dòng thơ tiếp)</b></p> <p>a. Những hoạt động trong tiết Thanh minh (hai câu thơ đầu)</p> <p style="padding-left: 40px;">“Thanh minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.”</p> <p>- nghệ thuật tiểu đối: tách hai từ “lễ hội” ra làm đôi để gợi tả hai hoạt động diễn ra cùng một lúc trong tiết thanh minh:</p> <p>+ “Lễ tảo mộ”: đi viếng và sửa sang phần mộ của người thân, gia đình, tổ tiên.</p> <p>+ “Hội đạp thanh”: đi chơi xuân ở chốn đồng quê và giẫm lên cỏ xanh.</p> <p>b. Không khí của ngày hội xuân (sáu câu thơ tiếp)</p> <p style="padding-left: 40px;">“Gần xa nô nức yến anh, Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân. Dập dìu tài tử giai nhân, Ngựa xe như nước áo quần như nêm.”</p>
---	--

<p>- Gọi đại diện 2 HS của nhóm bất kì lên trình bày miệng phần phân tích của nhóm; nhóm khác lắng nghe và trình bày bổ sung.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>GV đánh giá, tổng hợp và đưa ra cách phân tích của mình; đồng thời giảng bình về phong tục văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta: <i>Đời sống tâm linh, phong tục dân gian cổ truyền trong lễ tảo mộ được Nguyễn Du nói đến với nhiều cảm thông, san sẻ. Cõi âm và cõi dương, người đang sống và kẻ đã chết, hiện tại và quá khứ đồng hiện trên những gò đồng "ngón ngang" trong lễ tảo mộ. Cái tâm thánh thiện, niềm tin phác thực dân gian đầy ấp nghĩa tình. Các tài tử, giai nhân, và 3 chị em Kiều không chỉ nguyện cầu cho những vong linh mà còn gửi gắm bao niềm tin, bao ao ước về tương lai hạnh phúc cho tuổi xuân khi mùa xuân về. Có thể sau hai trăm năm, ý nghĩ của mỗi chúng ta có ít nhiều đổi thay trước cảnh "Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay", nhưng giá trị nhân bản của văn thơ Nguyễn Du vẫn làm ta xúc động!</i></p> <p><b>* HĐ3. Tìm hiểu nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong sáu dòng thơ cuối</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn để thực hiện yêu cầu: <i>Chứng minh rằng: sáu dòng thơ cuối không chỉ tái khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về mà nó là bức tranh</i></p>	<p>- danh từ “yên anh”, “chị em”, “tài tử”, “giai nhân”: gọi tả sự đông vui, tấp nập trong ngày hội xuân.</p> <p>- động từ “sấm sủa”, “dập dìu”: gọi tả không khí rộn ràng, náo nhiệt trong ngày hội.</p> <p>- tính từ: “gần xa”, “nô nức” gọi tả tâm trạng hồ hởi, phấn khởi của người đi hội.</p> <p>- hình ảnh ẩn dụ “nô nức yên anh”: gọi hình ảnh từng đoàn người đi chơi xuân, đông đúc, dập dìu.</p> <p>- hình ảnh so sánh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”: gọi tả sự đông đúc của từng dòng người đi trải hội.</p> <p style="text-align: center;"><i>“Ngón ngang gò đồng kéo lên, Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.”</i></p> <p>- hình ảnh “ngón ngang gò đồng”, “tro tiền giấy bay”: gọi không gian tĩnh lặng, lạnh lẽo, linh thiêng và hoạt động sửa sang, rắc vàng vó, hóa tiền giấy cho những người đã khuất.</p> <p>=&gt; truyền thống văn hóa, đạo lí “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của người Việt.</p> <p>→ Với việc sử dụng ngôn ngữ miêu tả khéo léo, chọn lọc, tinh tế, đoạn thơ đã làm sống lại không khí lễ hội mùa xuân một cách sinh động. Từ đó, có thể thấy Nguyễn Du là người am hiểu, trân trọng gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.</p> <p><b>3. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sáu dòng thơ cuối)</b></p> <p><i>Tà tà bóng ngả về tây,</i></p>
--	--



<p><i>nhuộm màu tâm trạng con người (mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của chị em Thuý Kiều trong đoạn trích).</i></p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS tổ chức nhóm, thực hiện cá nhân sau đó thống nhất ý kiến nhóm.</p> <p>- GV gọi nhóm bất kì chiếu nội dung hoạt động và trình bày ý kiến thống nhất; nhóm khác nghe và bổ sung ý kiến khác biệt.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và đưa ra hướng chứng minh; đồng thời giảng bình một số từ ngữ đặc sắc.</p>	<p><i>Chị em thơ thẩn dan tay ra về. Bước dần theo ngọn tiểu khê Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh. Nao nao dòng nước uốn quanh, Dịp cầu nho nhỏ cuối ghènh bắc ngang.</i></p> <p>- hình ảnh “tà tà bóng ngả về tây”: diễn tả cảnh mặt trời đang lặn, ánh nắng cuối ngày đang tắt dần, không gian đang mờ tối.</p> <p>=&gt; Gọi không gian buồn vắng, tĩnh lặng và tâm trạng băng khuâng tiếc nuối.</p> <p>- hình ảnh “tiểu khê”, “cầu nho nhỏ”: gọi khung cảnh nhỏ bé, thân thuộc.</p> <p>- từ láy “thơ thẩn”: gọi sự bản thân, vãn vơ, lan man trong dòng suy nghĩ.</p> <p>+ từ láy “nao nao”: gọi sự xao động lặng lẽ trong tâm trạng con người.</p> <p>=&gt; Sử dụng thành công hệ thống từ láy cùng bút pháp tả cảnh ngụ tình, đoạn thơ đã tái hiện khung cảnh chiều tà rất đối gần gũi, thân quen nhưng sống động như có linh hồn, vừa phảng phất một nỗi u buồn, tiếc nuối vừa mang vẻ đẹp tao nhã của con người.</p>
<p><b>GV bình:</b> Các từ láy tượng hình: "thanh thanh", "nao nao", "nho nhỏ" gọi lên sự nhạt nhòa của cảnh vật và sự rung động của tâm hồn giai nhân khi hội tan, ngày tàn. Nỗi niềm man mác băng khuâng thấm sâu, lan tỏa trong tâm hồn của giai nhân đa tình, đa cảm. Cảnh vật và thời gian trong sáu dòng thơ cuối được miêu tả bằng bút pháp ước lệ tượng trưng nhưng rất sống động, gần gũi, thân quen đối với bất cứ người Việt Nam nào. Không còn xa lạ nữa, vì ngọn tiểu khê ấy, dịp cầu nho nhỏ ấy là màu sắc đồng quê, là cảnh quê hương đất nước mình. Tính dân tộc là một nét đẹp đậm đà trong thơ Nguyễn Du, nhất là những vãn thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt tác.</p>	
<p><b>III. Tổng kết</b></p>	

<p>- GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm cặp để hoàn thành các thông tin khái quát về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản “Cảnh ngày xuân”, cách đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm qua PHT sau:</p>	
<p><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03</b> <b>Tổng kết văn bản “Cảnh ngày xuân”</b></p>	
<p><b>Nghệ thuật</b></p>	<p><b>Nội dung</b></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài nghệ sử dụng ngôn ngữ bậc thầy: hệ thống (...) giàu giá trị biểu cảm.</li> <li>- Bút pháp (...) đạt đến mức độ điêu luyện.</li> <li>- Biện pháp tu từ: (...) đến mức nhuần nhuyễn.</li> <li>- Nghệ thuật (...) giàu chất tạo hình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- “Cảnh ngày xuân” là một (...) sống động, tuyệt đẹp với lễ hội truyền thống đông vui, nhộn nhịp.</li> <li>- Thông qua bức tranh ấy, người đọc cảm nhận được một (...) phong phú của nhân vật và thái độ (...) vẻ đẹp truyền thống văn hóa dân tộc của tác giả.</li> </ul>
<p><b>Cách đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu bối cảnh (...) ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học.</li> <li>- Xác định được (...) của đoạn trích trong truyện thơ, nội dung (...) của đoạn trích.</li> <li>- Tìm hiểu được nội dung chi tiết và (...) của đoạn trích.</li> <li>- Tìm hiểu (...) của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, cảnh vật và con người, nghệ thuật sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật khác,...</li> <li>- Chú ý (...) của tác giả được biểu lộ chủ yếu qua ngôn từ, giọng điệu, tình cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người.</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chia nhóm cặp trao đổi và hoàn thiện PHT trong thời gian 5 phút.</li> <li>- GV chiếu 1 PHT của 3 nhóm bất kì và yêu cầu trình bày lần lượt 3 nội dung; nhóm khác đối chiếu, nhận xét, bổ sung.</li> <li>- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức về nội dung và nghệ thuật của văn bản, và cách đọc hiểu truyện thơ Nôm.</li> </ul> <p><b>* Dự kiến sản phẩm:</b></p>	



Nghệ thuật	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài nghệ sử dụng ngôn ngữ bậc thầy: hệ thống từ <u>láy</u> giàu giá trị biểu cảm.</li> <li>- Bút pháp <u>tả cảnh ngụ tình</u> đạt đến mức độ điêu luyện.</li> <li>- Biện pháp tu từ: <u>so sánh, ẩn dụ</u>,... đến mức nhuần nhuyễn.</li> <li>- Biện pháp <u>miêu tả</u> giàu chất tạo hình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảnh ngày xuân” là một <u>bức tranh thiên nhiên</u> sống động, tuyệt đẹp với lễ hội truyền thống đông vui, nhộn nhịp.</li> <li>- Thông qua bức tranh ấy, người đọc cảm nhận được một <u>thế giới nội tâm</u> phong phú của nhân vật và thái độ <u>trân trọng gìn giữ</u> vẻ đẹp truyền thống văn hóa dân tộc của tác giả.</li> </ul>
<b>Cách đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu bối cảnh <u>lịch sử, thời đại</u> ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học.</li> <li>- Xác định được <u>vi trí</u> của đoạn trích trong truyện thơ, <u>chủ đề</u> của đoạn trích.</li> <li>- Tìm hiểu được nội dung chi tiết và <u>ý nghĩa tư tưởng</u> của đoạn trích.</li> <li>- Tìm hiểu <u>đặc sắc nghệ thuật</u> của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, cảnh vật và con người, nghệ thuật sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật khác,...</li> <li>- Chú ý <u>cảm xúc</u> của tác giả được biểu lộ chủ yếu qua ngôn từ, giọng điệu, tình cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người.</li> </ul>	

### 3. Hoạt động 3,4: Luyện tập và vận dụng

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục khắc sâu các hình ảnh đẹp mang tính nghệ thuật trong văn bản; khám phá năng lực cảm thụ văn học và sự trải nghiệm của HS.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện 2 yêu cầu sau:

(1) Trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”, em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao? (Hãy trả lời thành đoạn văn 7- 10 dòng)

(2) Tìm đọc thêm một số đoạn trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du và một bài nghiên cứu về truyện thơ Nôm này.

- HS thực hiện nhiệm vụ 1 ở lớp, nhiệm vụ 2 ở nhà theo hình thức cá nhân.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời trước lớp; khen ngợi, khuyến khích và định hướng kĩ năng trình bày, kĩ năng khai thác thông tin cho HS.

**\* Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

### **Văn bản 2. Lục Vân Tiên Cứu Kiều Nguyệt Nga**

(1) Xem lại các kĩ năng đọc hiểu đoạn trích của một truyện thơ Nôm đã hình thành ở văn bản 1. *Cảnh ngày xuân* để vận dụng vào văn bản 2.

(2) Đọc trước đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* để tìm hiểu giọng đọc, nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm; đồng thời lưu ý các lệnh/câu hỏi phân chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.

(3) Tìm hiểu thêm thông tin về Danh nhân văn hoá Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.

(4) Đọc thông tin giới thiệu về bối cảnh, về nội dung tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong phần 1. Chuẩn bị (SGK/Tr38) để hiểu thêm tác phẩm và đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*.

Ngày soạn: 23/09/2024	Dạy	Ngày	09/10 /2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

**TUẦN 4- TIẾT 17,18: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  
**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**  
*(Trích Truyện Lục Vân Tiên -Nguyễn Đình Chiểu)*

## I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

### 1. Kiến thức:

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả NĐC và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.
- Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên
- Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.
- Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

### 2. Năng lực:

- Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

### 3. Phẩm chất:

- Giáo dục học sinh thêm yêu mến trân trọng tài năng đức độ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu được gửi gắm qua một số nhân vật trong truyện
- Yêu quý các nhân vật có phẩm chất tốt đẹp như Lục Vân Tiên & Kiều Nguyệt Nga, học tập các phẩm chất tốt đẹp của họ: Có thái độ đúng đắn trong cuộc sống trước những khó khăn hoạn nạn của người khác => Tình yêu thương & sự giúp đỡ mọi người.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu; Tác phẩm Lục Vân Tiên, tham khảo tư liệu, bảng phụ, tranh minh họa đoạn trích, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Nghiên cứu, soạn bài, tìm đọc Lục Vân Tiên toàn tập, tóm tắt truyện Lục Vân Tiên, trả lời câu hỏi SGK

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

#### 1. Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi những hiểu biết trong thực tế cuộc sống để kết nối, giới thiệu với nội dung chủ đề văn bản.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn HS chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

#### **d. Tổ chức thực hiện:**

- GV dẫn dắt và nêu yêu cầu: *Trong thời gian vừa qua, nhiều tấm gương xả thân cứu người lúc gặp nạn đã được lan tỏa với hiệu ứng tích cực. Những hành động quả cảm trên đã được nhà nước và nhân dân ghi nhận, tặng thưởng. Hãy kể những tấm gương người hùng giữa đời thực mà em biết.*

- HS đọc lập chuẩn bị câu trả lời.
- GV gọi 2 - 3 HS chia sẻ hiểu biết của mình.
- GV cùng HS khác lắng nghe, kết nối vào bài học.

*(Ví dụ: Những tấm gương anh hùng giữa đời thực có thể kể đến anh Thái Ngô Hiếu SN 1989, quê quán Nghệ An, đã chiến đấu với cơn sóng lớn để cứu người, trực tiếp đưa được 4 người vào bờ và thực hiện sơ cứu tại chỗ, cứu sống bốn nạn nhân; Anh Nguyễn Văn Chính nhảy từ cầu cao 30m xuống sông cứu sống nạn nhân đang chơi với giữa dòng nước xiết. Hay những người hùng như: Trung Văn Nam can đảm lao vào biển lửa cứu giúp người mắc kẹt; Nguyễn Ngọc Mạnh hành động nhanh chóng cứu giúp cháu bé rơi từ tầng 12. Đúng vậy, hành động đẹp của những tấm gương xả thân cứu người lúc gặp nạn đã được lan tỏa với những hiệu ứng rất tích cực. Và ngay trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ gặp lại hình ảnh người anh hùng qua trang văn của tác giả Nguyễn Đình Chiểu với đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.)*

#### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### **a. Mục tiêu**

- Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học; Xác định được vị trí của đoạn trích trong truyện thơ, chủ đề của đoạn trích.
- Phân tích được nghệ thuật xây dựng nhân vật chủ yếu qua hành động, cử chỉ, lời nói để thấy được những phẩm chất cao đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt nghệ thuật tự sự, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, sử dụng ngôn từ mộc mạc, bình dị, gần với lời ăn tiếng nói thường ngày và mang đậm màu sắc Nam Bộ.

- Xác định và phân tích được nội dung chủ đề của đoạn trích là lên án cái xấu, cái ác trong xã hội. Đồng thời, thể hiện khát vọng về lẽ công bằng, về cái thiện và cái đẹp. Từ đó, biết hướng đến khát vọng tự do và tinh thần trọng nghĩa trong cuộc sống.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng đọc hiểu một đoạn trích trong tác phẩm Truyện thơ Nôm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm, thuyết trình, nêu vấn đề và KTDH động não, khăn trải bàn, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<p><b>* HD1: Tìm hiểu thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>Qua tìm hiểu bài ở nhà, hãy giới thiệu những thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: đọc lập chuẩn bị thông tin về tác giả.</li> <li>- GV gọi 2-3 HS chia sẻ; HS khác lắng nghe, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: tổng hợp thông tin, chiếu chân dung và cung cấp một số thông tin cơ bản về tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Ví dụ:</li> </ul> <p>+ Nguyễn Đình Chiểu là danh nhân văn hóa thế giới. Ông có tên tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ; Ông gánh vác một lúc cả ba trọng trách: thầy giáo, thầy thuốc và nhà thơ. Ở cương vị nào ông cũng cống hiến hết mình và nêu gương sáng cho đời. Một hình ảnh cảm động còn lưu truyền mãi trong dân gian là khi ông mất, cả cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang của các thế hệ học trò và của những người dân mến mộ tài đức của ông.</p>	<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), quê ở Thừa Thiên Huế.</li> <li>- Ông là nhà thơ có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học dân tộc, là cây bút mở đầu cho dòng văn thơ yêu nước cuối thế kỉ XIX.</li> <li>- Các tác phẩm của ông có sự kết hợp giữa văn học dân gian và văn chương bác học, ngôn từ giàu sức truyền cảm.</li> </ul>

+ Nguyễn Đình Chiểu có lòng yêu nước thiết tha và tinh thần bất khuất hiếm có. Mặc dầu mù loà, bệnh tật, gia cảnh thanh bần, nhưng ngay từ những ngày đầu đụng độ với giặc ngoại xâm, ông đã kiên quyết giữ vững lập trường của mình. Ông làm quân sư cho các lãnh tụ nghĩa quân, đồng thời sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ. Ông sống nghĩa khí, trong sạch giữa tình yêu thương, kính trọng của đồng bào.

+ Là một nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu để lại cho đời bao trang thơ bất hủ, được lưu truyền rộng rãi như *Truyện Lục Vân Tiên*, *Chạy giặc*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*...

**\* HĐ2. Tìm hiểu thông tin chung về tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên”**

### **Bước 1. Chuyển giao NV**

Hãy nêu những hiểu biết của em về tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên” (hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính, bố cục...)

### **Bước 2. Thực hiện NV**

- HS đọc lập chuẩn bị theo yêu cầu
- GV gọi 1-2 HS chia sẻ hiểu biết về tác phẩm

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

### **Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV khen ngợi, chốt một số thông tin cơ bản và mở rộng: *Tác phẩm có yếu tố tự truyện với nhiều chi tiết giống cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu. Trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ đầu thế kỉ 19 đang đứng trước nguy cơ mất dần bản sắc dân tộc do sự giao lưu với văn hóa phương Tây, nhà thơ đã thông qua nội dung của tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên”, để truyền dạy những đạo lý làm người như: Đề cao tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội như tình cảm vợ chồng, tình cảm bạn bè, tình nghĩa anh em, ...; Đề cao tinh thần hiệp nghĩa, luôn sẵn sàng ra tay cứu khổ phò nguy; Thể hiện khát vọng của nhân dân ngàn đời hướng tới những điều tốt đẹp và lẽ công bằng*

## **2. Tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên”**

- Hoàn cảnh sáng tác: viết vào đầu những năm 50 của thế kỉ XIX.

- Nội dung: “Truyện Lục Vân Tiên” bao gồm 2082 câu thơ lục bát kể về cuộc đời và số phận của nhân vật chính Lục Vân Tiên.

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: gặp gỡ

+ Phần 2: lưu lạc

+ Phần 3: đoàn tụ

- Tóm tắt truyện: SGK/Tr38.



trong cuộc đời như ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác, chính nghĩa thắng gian tà, ác giả gặp ác báo, ... “Truyện Lục Vân Tiên” đã đi vào đời sống tinh thần, vào những câu hò trên sông của người dân Nam Bộ suốt bao năm tháng, tác phẩm được ví như “Truyện Kiều của người dân Nam Bộ”.

**\* HĐ 3: Đọc và giải thích từ khó.**

**Bước 1. Chuyển giao NV**

(1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (giọng đọc, cách khám phá văn theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những kĩ năng khi đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm)

(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong VB?

**Bước 2. Thực hiện NV**

- HS đọc lập thực hiện lần lượt các yêu cầu.
- GV gọi 2-3 HS chia sẻ cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải và nhắc lại các kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm đã hình thành ở tiết học trước.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, khen ngợi, định hướng cách đọc và tổ chức đọc nối tiếp 2 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến “Bị Tiên một gậy thác rày thân vong”; đoạn 2: phần còn lại). Sau đó, GV đọc minh họa một lần và giải thích một số từ khó.

**\* HĐ4: Tìm hiểu các thông tin về đoạn trích**

**Bước 1. Chuyển giao NV**

Xác định vị trí, nhân vật và bố cục đoạn trích.

**Bước 2. Thực hiện NV**

- HS trao đổi nhóm cặp, thống nhất ý kiến

**3. Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”**

**a. Đọc và giải thích từ khó**

- Hướng dẫn đọc:
  - + ngắt nhịp chủ yếu 2/2/2, 4/4; một số câu ngắt nhịp 1/3/4; 2/4 (dòng 16,17);
  - + giọng đọc thay đổi linh hoạt: đoạn đầu nhịp nhanh, gấp, căng thẳng; đoạn sau đọc giọng chậm rãi, nhẹ nhàng, thư thả.
  - + thay đổi ngữ điệu phù hợp với lời nói trực tiếp của từng nhân vật.
  - + lưu ý phát âm các từ khó: *tả đột hữu xông, Triệu Tử, Dương Dang, kiến nghĩa bất vi...*

- Giải thích từ khó:

- (1) *Tả đột hữu xông* (xung): hét đánh vào bên trái, lại xông sang bên phải. Ý nói sức mạnh tung hoành (đọc ngang) khi xung trận.
- (2) *Triệu Tử phá vòng Dương Dang* (*Dương*): nhắc chuyện Triệu Tử Long (Triệu Vân), tướng giỏi của Lưu Bị thời Tam quốc, một mình phá vòng vây của quân Tào Tháo, bảo vệ an toàn cho A Đâu, con nhỏ của Lưu Bị.
- (3) *Kiến nghĩa bất vi*: thấy việc nghĩa mà không làm.

**b. Thông tin chung**



<p>- GV gọi 1-2 HS trình bày; nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b></p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức và bổ sung thêm về nội dung và bố cục đoạn trích: <i>Hai phần này có sự thống nhất mang tính nhân quả: sự việc của phần một dẫn đến sự việc trong phần hai hay nói cách khác sự việc của phần hai là kết quả của sự việc một.</i></p>	<p>- Vị trí đoạn trích: nằm ở phần đầu (Gặp gỡ) của tác phẩm “Truyện Lục Vân Tiên”.</p> <p>- Nhân vật chính: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga</p> <p>- Bố cục:</p> <p>+ Phần 1 (14 dòng đầu): Lục Vân Tiên đánh tan bọn cướp cứu Kiều Nguyệt Nga và dân lành.</p> <p>+ Phần 2 (còn lại): Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.</p>
<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>* HĐ1. Tìm hiểu hai tuyến nhân vật đối lập trong đoạn trích</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>“Nhân vật trong truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau”, đặc điểm đó được thể hiện như thế nào trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga?</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS đọc lập chuẩn bị câu trả lời</p> <p>- GV gọi 1-2 HS trả lời; HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b></p> <p>- GV tổng hợp, chốt kiến thức và khắc sâu đặc điểm thường thấy trong xây dựng nhân vật của thể loại truyện thơ Nôm (Trong <i>Truyện Kiều</i>: Thúy Kiều – Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh...; Trong <i>Truyện Lục Vân Tiên</i>: Lục Vân Tiên – Trịnh Hâm...)</p> <p><b>* HĐ2. Tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p>	<p><b>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Hai tuyến nhân vật đối lập trong đoạn trích</b></p> <p>- Tuyến nhân vật chính nghĩa: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, người hầu của Kiều Nguyệt Nga (Kim Liên).</p> <p>- Tuyến nhân vật phi nghĩa: bọn cướp Phong Lai.</p> <p>→ Hai tuyến nhân vật này được phân chia một cách rõ rệt, không có nhân vật trung gian.</p> <p><b>2. Phẩm chất và tính cách của nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga</b></p>

<p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm cặp hoàn thành các nội dung trong PHT trong thời gian 15 phút.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS căn cứ vào phần đọc, tổ chức nhóm, thảo luận thống nhất hoàn thành PHT; GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>- GV gọi 04 nhóm HS bất kì chiếu PHT và trình bày kết quả thảo luận lần lượt theo năm yêu cầu trong PHT; các nhóm còn lại quan sát, lắng nghe, đối chiếu và nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b></p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức lần lượt theo từng nội dung yêu cầu và giảng bình về hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên/Kiều Nguyệt Nga.</p>	<p>a. Nhân vật Lục Vân Tiên</p> <p>b. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga</p>	
<p><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</b></p> <p><i>Tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga</i></p>		
<p><b>Yêu cầu</b></p>	<p><b>Các chi tiết</b></p>	<p><b>Nhận xét</b></p>
<p>1. Liệt kê các chi tiết miêu tả hành động, lời nói, việc làm của nhân vật Lục Vân Tiên. Qua đó, nhận xét về phẩm chất của nhân vật này.</p>	<p>- Đối với <i>bọn cướp Phong Lai:</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Đối với <i>Kiều Nguyệt Nga</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga được kể, tả qua những chi tiết nào? Nhận xét về</p>	<p>- <i>Lời nói</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>



<p>đó, nhận xét về tính cách, phẩm chất của nhân vật này.</p>	<p>=&gt; sử dụng các động từ “ghé”, “bẻ”, “xông” tả hành động nhanh, mạnh, dứt khoát.                  + Kêu rằng: <i>“Bớ đảng hung đồ, Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”</i>                  =&gt; thể hiện tính cách cương trực, thẳng thắn, nghĩa khí.                  + <i>tả đột hữu xông</i>                  =&gt; bộc lộ sức mạnh và tài nghệ dũng mãnh.                  + <i>Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang</i>                  =&gt; nghệ thuật so sánh điển tích để ca ngợi tinh thần quả cảm, hành động trượng nghĩa.                  - Đối với Kiều Nguyệt Nga:                  + Hỏi: <i>“Ai than khóc ở trong xe này?”</i>                  =&gt; ân cần hỏi han, động viên chu đáo.                  + <i>“Khoan khoan ngồi đó chớ ra Nàng là phận gái, ta là phận trai”</i>.                  =&gt; xưng hô nàng-ta, ứng xử: thể hiện thái độ lịch sự, giữ gìn khuôn phép, lễ nghĩa.                  + <i>“Làm ơn há để trông người trả ơn</i>                  ...  <i>Nào ai tính thiệt so hơn làm gì</i>  <i>Nhớ câu kiến nghĩa bất vi</i>  <i>Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”</i>                  =&gt; hào hiệp, nghĩa khí và chính trực.</p>	<p>nguy để cứu giúp người lương thiện, trừng trị bọn gian ác, ức hiếp dân lành.</p> <p>- Là chàng trai lịch sự, nhã nhặn, trọng lễ nghĩa;                  - Cứu giúp người làm việc trượng nghĩa mà không màng đến danh, lợi, ơn huệ.                  → Lục Vân Tiên mang vẻ đẹp lí tưởng của một trang nam nhi văn võ song tài, hào hiệp và nhân hậu, là hình mẫu toàn vẹn, hoàn hảo cho người quân tử trong xã hội phong kiến.</p>
<p>2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga được kể, tả qua những chi tiết nào? Nhận xét về tính cách,</p>	<p>- Lời nói, hành động                  + giới thiệu về bản thân:  <i>“Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga Con này từ tât tên là Kim Liên. Quê nhà ở quận Tây Xuyên</i></p>	<p>- Lời nói nhã nhặn, có học thức, khiêm nhường, nét na, thùy mị của một tiểu thư sinh ra trong một gia đình gia giáo.                  - Ứng xử khôn khéo, thể hiện sự cảm kích</p>

<p>phẩm chất nhân vật này.</p>	<p><i>Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.”</i></p> <p>→ giới thiệu rất đầy đủ, chân thành, đáp lại những lời thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên.</p> <p>+ xưng hô với Lục Vân Tiên:</p> <p><i>“Trước xe quân tử tạm ngôi</i> <i>Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa”</i></p> <p>→ xưng “tiện thiếp”, gọi “quân tử”: hành xử có thước mực; hành động “lạy rồi sẽ thưa”: thể hiện một thái độ kính phục, khiêm nhường.</p> <p>+ chia sẻ nỗi niềm:</p> <p><i>“Sai quân đem bức thơ về</i> <i>Rước tôi qua đó định bề nghi gia</i> <i>Làm con dâu dám cãi cha</i> <i>Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.”</i></p> <p>→ dù đường xá vất vả, xa xôi không dám cãi lời cha mẹ.</p> <p>- Ứng xử với ân nhân cứu mạng:</p> <p><i>“Hà Khê qua đó cũng gần/ Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng”</i></p> <p>→ thể hiện sự thật tâm, thật dạ muốn được cảm tạ người đã cứu giúp mình.</p>	<p>với người đã cứu giúp mình.</p> <p>- Sống ân nghĩa, luôn mong muốn được trả ơn người đã cứu giúp mình.</p> <p>- Là người con hiếu thảo với cha mẹ.</p> <p>→ Là cô gái có đầy đủ phẩm chất của một người phụ nữ lí tưởng: công, dung, ngôn, hạnh, hiếu nghĩa.</p>
<p>3. Nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.</p>	<p>- Mộc mạc, dễ hiểu, gần gũi với lời nói hàng ngày.</p> <p>- Phù hợp với tính cách, phẩm chất của hai nhân vật:</p> <p>+ Lục Vân Tiên: rõ ràng, thẳng thắn, tỏ rõ phẩm chất trượng nghĩa của một bậc quân tử anh hùng;</p> <p>+ Kiều Nguyệt Nga: tuy có phần mạnh dạn nhưng lại rất mực chân thành, lễ độ, nhân hậu, có trước có sau.</p>	
<p>4. Nêu nhận xét về cách xây dựng nhân vật của tác giả? Từ đó nêu cảm</p>	<p>- Xây dựng tính cách, đời sống của nhân vật được thể hiện qua hành động và ngôn ngữ đối thoại.</p> <p>→ Đoạn trích là tiêu biểu cho đặc điểm nghệ thuật xây dựng nhân vật của truyện thơ Truyện Lục Vân Tiên.</p>	

<p>nhận về vẻ đẹp chung của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.</p>	<p>- Vẻ đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga là vẻ đẹp lí tưởng của người anh hùng và người phụ nữ thời đại trong thơ Nguyễn Đình Chiểu.</p>
<p><b>GV bình:</b> Đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" để lại nhiều ấn tượng đẹp bởi hình ảnh Lục Vân Tiên - người anh hùng chiến đấu vì nghĩa, văn võ song toàn. Lục Vân Tiên – nhân vật chính trong đoạn trích đã biểu hiện rõ nét lý tưởng của người anh hùng. Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, nhân vật Lục Vân Tiên mang cốt cách của tráng sĩ thời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài, sống và hành động theo phương châm: "Giữa đường đâu thấy bất bằng mà tha". Lòng thương người, chí quả cảm và tinh thần vị nghĩa của chàng đậm màu sắc đạo lý của dân tộc ta. Có thể nói, nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích là một hình ảnh đẹp, hình ảnh lí tưởng thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.</p> <p>Bên cạnh đó, hình ảnh Kiều Nguyệt Nga cũng là một hình ảnh đẹp, trọng ơn nghĩa, là tiêu biểu cho tính cách của nhân dân ta.</p> <p>Đoạn trích đã khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nét na, ân tình. Quả thật, Nguyễn Đình Chiểu đã thành công khi tạo nên hai hình tượng tuyệt đẹp trong buổi đầu gặp gỡ, đó là hình ảnh của một trang hảo hán và một tiểu thư khuê các - hai nhân vật đại diện cho vẻ đẹp chuẩn mực của xã hội đương thời.</p>	
<p><b>* HĐ3. Tìm hiểu chủ đề và thái độ, tình cảm của tác giả trong đoạn trích</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>(1) Nêu chủ đề của văn bản “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” và cho biết căn cứ để xác định chủ đề đó.</p> <p>(2) Qua hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, tác giả đã thể hiện tư tưởng và tình cảm gì trong đoạn trích?</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS tổ chức nhóm bàn; trao đổi và thống nhất nội dung theo yêu cầu.</p> <p>- GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả; nhóm khác nghe-bổ sung.</p>	<p><b>3. Nội dung chủ đề và thái độ, tình cảm của tác giả trong đoạn trích</b></p> <p>- Chủ đề của đoạn trích: ca ngợi hành động đánh cướp, cứu người, đề cao tinh thần “trọng nghĩa khinh tài” của Lục Vân Tiên và những phẩm chất đạo đức của Kiều Nguyệt Nga; đồng thời thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của Nguyễn Đình Chiểu.</p> <p>→ Căn cứ chủ yếu để xác định chủ đề của đoạn trích là dựa vào các thành tố cơ bản tạo nên nội dung đoạn trích như: các chi tiết miêu tả hành động, lời nói của</p>



<p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b>                  - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b>                  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức cơ bản đồng thời mở rộng thêm về giá trị của đoạn trích nói riêng và truyện Lục Vân Tiên nói chung: Mỗi một nhân vật trong tác phẩm đã gửi gắm niềm khát vọng, lý tưởng, mục đích và ý chí sống của tác giả Nguyễn Đình Chiểu...</p>	<p>các nhân vật; sự kiện, mạch cảm xúc chủ đạo của tác giả trong đoạn trích, nhan đề.</p> <p>- Thái độ và tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu: đứng về phía chính nghĩa, đề cao, ca ngợi những người anh hùng có tinh thần nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên. Đó là con người văn võ toàn tài, có đủ các phẩm chất của bậc quân tử Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín trong một xã hội loạn lạc.</p>
<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>* HĐ1. Tổng kết những giá trị nội dung và nghệ thuật</b></p> <p>- GV nêu yêu cầu: <i>Chuẩn bị nội dung trình bày miệng để khái quát giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích.</i></p> <p>- HS thực hiện yêu cầu theo nhóm tự chọn (4 HS); GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>- GV gọi 2 - 3 đại diện HS trình bày miệng trước lớp; HS khác lắng nghe, nhận xét.</p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét đánh giá bài trình bày miệng và chốt kiến thức cơ bản, đồng thời đánh giá và định hướng thêm một số kỹ năng khái quát những giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản sau khi thực hiện đọc hiểu chi tiết cũng như kỹ năng trình bày miệng trước tập thể; Đồng thời, mở rộng thông tin về giá trị của đoạn trích nói riêng và tác phẩm nói chung: <i>Ngôn ngữ kể chuyện trong đoạn trích nói riêng và trong tác phẩm nói chung là những tinh hoa của văn hóa dân gian từ cách cảm, cách nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người dân lao động. Vì thế, khi chuyển tải vào truyện Lục Vân Tiên, tác phẩm đã trở nên gần gũi với dân gian và sớm được nhân dân khai thác như nguồn chất liệu cho dân ca. Chính vì thế, truyện Lục Vân Tiên không chỉ được xuất bản ở nhiều giai đoạn, mà còn được đưa vào dưới dạng đờn ca</i></p>	<p><b>1. Về nội dung</b></p> <p>Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã lên án cái xấu, cái ác trong trong hội. Đồng thời, thể hiện khát vọng của nhân dân cũng như của chính tác giả hướng tới lẽ công bằng, những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng đã khắc họa thành công hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga với những phẩm chất cao đẹp và lí tưởng.</p> <p><b>2. Về nghệ thuật</b></p> <p>Đoạn trích đã xây dựng thành công nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói mà ít khắc họa ngoại hình, cũng như ít đi sâu vào diễn biến nội tâm. Vì vậy, các nhân vật đều mang đậm tính chất của văn học dân gian. Bên cạnh đó, ngôn từ được sử dụng mộc mạc, bình dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói</p>



<p><i>tài tử, là một bước đệm để xây dựng nghệ thuật sân khấu cải lương.</i></p> <p>GV CHO HS 1 NGHE ĐOẠN KHÚC NGÂM (ngâm khúc: Vân Tiên cưới Kiều Nguyệt Nga)</p> <p><b>* HĐ2. Tìm hiểu những lưu ý khi đọc hiểu truyện thơ Nôm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi: Những đặc điểm gì của truyện thơ Nôm đã được thể hiện trong đoạn trích “<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>”? Từ đó, hãy rút ra những lưu ý khi đọc hiểu Truyện thơ Nôm.</li> <li>- HS hoạt động đọc lập chuẩn bị câu trả lời</li> <li>- GV gọi 1-2 HS chia sẻ; HS lắng nghe, bổ sung</li> <li>- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và chốt kiến thức; đồng thời nhấn mạnh một số đặc điểm của truyện thơ Nôm trong đoạn trích: <i>chia hai tuyến nhân vật đối lập, kể sự việc trong phần đầu gặp gỡ của cốt truyện, nghệ thuật tự sự thông qua kể diễn biến các sự việc, xây dựng nhân vật mang đậm tính chất văn học dân gian và điển hình.</i></li> </ul>	<p>thường ngày và mang đậm màu sắc Nam Bộ.</p> <p><b>3. Những lưu ý về cách đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các sự việc chính và các tuyến nhân vật trong truyện.</li> <li>- Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng nhân vật;</li> <li>nghệ thuật sử dụng ngôn từ mang phong cách riêng của tác giả.</li> <li>- Chú ý cảm xúc, thái độ của tác giả được biểu lộ chủ yếu qua ngôn từ, giọng điệu.</li> </ul>
---	---

### 3. Hoạt động 3,4: Luyện tập và vận dụng

**a. Mục tiêu:** HS thể hiện nhận thức về giá trị tư tưởng của văn bản, kết nối với kỹ năng viết; HS được rèn kỹ năng so sánh, đối chiếu hai tác phẩm cùng thể loại để chỉ ra nét khác biệt.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** đoạn văn, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### B1. Chuyển giao NV

(1) *Nêu cảm nghĩ của em về sự việc Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. (trình bày bằng đoạn văn 7 - 10 dòng) hoặc vẽ chân dung Lục Vân Tiên hoặc Kiều Nguyệt Nga dựa theo những chi tiết miêu tả trong đoạn trích Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*

(2) Qua hai văn bản truyện thơ Nôm là “Cảnh ngày Xuân” và “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”, hãy chỉ ra nét khác biệt trong nghệ thuật kể chuyện của hai tác giả Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu.

## B2. Thực hiện NV

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cá nhân.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời và đoạn văn trước lớp; khen ngợi, khuyến khích và định hướng kỹ năng trình bày cho HS.

## Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

## Bước 4: Đánh giá kết quả

### \* Dự kiến sản phẩm:

(1) Câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga cho thấy hành động trọng nghĩa của chàng thư sinh. Hành động có ý nghĩa sâu sắc bởi lẽ nó được làm một cách vô tư, không hề nhằm mục đích đòi người được cứu giúp phải trả ơn nghĩa “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”. Đồng thời, câu chuyện cũng thể hiện những phẩm chất đẹp đẽ của Kiều Nguyệt Nga trước người anh hùng đã cứu mình. Câu chuyện cũng làm nổi bật tính cách bộc trực, thẳng thắn của con người Nam Bộ và thể hiện những phẩm chất cao đẹp của họ. Người đọc đều thấy những nét đẹp trong cuộc sống mà thời nào cũng cần có, từ đó thấy được trách nhiệm, nghĩa cử của mỗi người chúng ta trước những vấn đề của xã hội.

(2) Biểu hiện sự khác biệt trong nghệ thuật kể chuyện của hai tác giả: Nguyễn Du chú trọng việc miêu tả thiên nhiên và nội tâm nhân vật, vận dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình; Nguyễn Đình Chiểu thiên về việc diễn tả hành động, tính cách nhân vật được thể hiện thông qua cử chỉ, lời nói, qua phẩm chất đạo đức của nhân vật.

### \* Chuẩn bị nội dung bài sau:

Thực hành đọc hiểu. Văn bản: Kiều ở lầu Ngưng Bích

(1) Đọc trước đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, xác định các đọc diễn cảm, cách thực hiện các chỉ dẫn bên phải văn bản.

(2) Đọc kỹ nội dung tóm tắt sự việc trước khi Kiều ở lầu Ngưng Bích (phần Chuẩn bị/SGK-Tr43) để hiểu thêm đoạn trích.

(3) Phân nhóm 5 HS, trao đổi thảo luận và hoàn thiện nội dung đọc hiểu theo PHT sau:

Thực hành đọc hiểu trích đoạn “ <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> ”	
Yêu cầu	Nội dung
1. Phân tích nghệ thuật tả cảnh trong 6 dòng thơ đầu.	<i>*Gợi ý: Khung cảnh được miêu tả ở sáu dòng thơ đầu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của Thuý Kiều?</i>
2. Phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua tám dòng thơ tiếp (từ dòng 7 đến dòng 14)	<i>*Gợi ý: - Thuý Kiều lần lượt nhớ tới những ai? Theo em, trình tự nhớ đó có hợp lí không? Vì sao? - Theo em, tám dòng thơ này là lời của ai? Vì sao em biết điều đó? Những lời này có tác dụng gì trong việc thể hiện nội tâm nhân vật?</i>
3. Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong 8 dòng thơ cuối.	<i>*Gợi ý: <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> được coi là một trong những đoạn trích thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Hãy phân tích tám dòng thơ cuối để làm sáng rõ điều đó.</i>
4. Tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.	
5. Em thích nhất câu thơ/hình ảnh thơ nào trong đoạn trích? Hãy chia sẻ cảm nhận của em.	
6. Hãy sưu tầm và đọc diễn cảm những đoạn thơ có nghệ thuật tả cảnh ngụ tình khác trong <i>Truyện Kiều</i> .	

Ngày soạn: 23/09 /2024	Dạy	Ngày	10/10/2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

**TUẦN 5-Tiết 19, 20****THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:****KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

– Nguyễn Du –

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Qua tâm trạng buồn tủi, cô đơn và nỗi niềm thương nhớ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, cảm nhận tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng.
- Thấy được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình và ngôn ngữ độc thoại trong văn bản.

**2. Năng lực:**

- Đọc- hiểu, phân tích văn bản truyện thơ trung đại
- Phân tích tác dụng của ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong bài
- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích.
- Năng lực xác định giá trị, năng lực lắng nghe tích cực, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm phần khinh bỉ bọn buôn thịt bán người, đau đớn xót xa trước cảnh con người bị chà đạp.
- HS biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh minh họa về tác phẩm “Kiều ở lầu Ngưng Bích”
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. *Mục tiêu:* Kiểm tra việc tự đọc hiểu ở nhà theo hướng dẫn trước buổi học; tạo không khí học tập phấn khởi, tích cực và kết nối với phần Thực hành trên lớp.

b. *Nội dung:* GV sử dụng kỹ thuật trò chơi để kiểm tra kiến thức nền và những thông tin về trích đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

d. *Tổ chức thực hiện:*

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi 10s:

+ HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi ngắn về kiến thức liên quan đến: tác giả, tác phẩm, từ Hán Việt, điển tích, điển cố...trong trích đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và kỹ năng đọc hiểu văn bản Truyện thơ Nôm.

+ Mỗi câu hỏi HS sẽ có 10s suy nghĩ và ghi câu trả lời vào tờ giấy note.

+ Mỗi câu trả lời đúng HS được cộng 1 điểm.

+ Kết thúc trò chơi, cho HS kiểm tra chéo, HS nào trả lời được nhiều câu hỏi nhất là người chiến thắng.

- HS nghe hướng dẫn và chuẩn bị tham gia trò chơi;

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi, xử lý tình huống (nếu có).

- GV tổng kết trò chơi, tuyên dương khen ngợi HS thắng cuộc và kết nối vào bài học.

#### CÂU HỎI TRÒ CHƠI 10S

Câu 1. Tác giả đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là ai?

Đáp án: Nguyễn Du.

Câu 2: Tìm một từ để đánh giá về tác phẩm *Truyện Kiều*?

Đáp án: Kiệt tác

Câu 3: *Truyện Kiều* thuộc thể loại nào?

Đáp án: Truyện thơ Nôm

Câu 4: *Truyện Kiều* được viết bằng thể thơ nào?

Đáp án: Lục bát

Câu 5: Trích đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* nằm ở phần nào trong tác phẩm *Truyện Kiều*?

Đáp án: Phần 2 - Gia biến và lưu lạc

Câu 6. Trong đoạn trích, Thúy Kiều nhớ đến ai đầu tiên?

Đáp án: Kim Trọng

Câu 7. Nghệ thuật đặc sắc nào được sử dụng trong đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”?

Đáp án: Tả cảnh ngụ tình.

Câu 8. Từ “khóa xuân” trong đoạn trích được hiểu theo nghĩa nào?

Đáp án: Khóa tuổi xuân (cám cung). Ở đây nói việc Thúy Kiều bị giam lỏng.

Câu 9. Tìm hai điển tích xuất hiện trong đoạn trích?

Đáp án: Sân Lai, gốc tử

Câu 10: Lưu ý đầu tiên khi đọc hiểu đoạn trích của một truyện thơ Nôm là gì?

Đáp án: Tìm hiểu về vị trí của đoạn trích

## 2. Hoạt động 2: Thực hành đọc hiểu

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được bối cảnh, vị trí, chủ đề, bố cục... để hiểu nội dung đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*;

- Phân tích nét đặc sắc nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua bút pháp tả cảnh ngụ tình để hiểu giá trị nội dung, tư tưởng của đoạn trích;

- Hiểu được tâm trạng, nỗi nhớ của nhân vật Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, từ đó cảm thông, chia sẻ về số phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến; đồng thời cảm phục, trân trọng tính cách của họ.

- Hiểu tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nguyễn Du với nhân vật trong tác phẩm của mình.

- Qua thực thành đọc hiểu đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”, củng cố và rút ra chiến lược đọc hiểu một trích đoạn trong truyện thơ Nôm.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác tổ chức cho HS thực hành đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách thức tổ chức HĐ	Dự kiến sản phẩm
<p>* HĐ1: Đọc và giải thích từ khó</p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>(1) Chia sẻ cách đọc diễn cảm và việc thực hiện các chỉ dẫn đọc văn bản.</p> <p>(2) Giải thích một số điển cố, điển tích trong văn bản.</p>	<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc và giải thích từ khó</b></p> <p>- Hướng dẫn đọc: rõ ràng, ngắt nhịp chẵn, giọng chậm buồn; chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện tâm trạng: <i>bẽ bàng, bơ vơ, man mác, buồn trông...</i></p> <p>- Giải thích từ khó:</p>



**Bước 2. Thực hiện NV**

- HS độc lập chuẩn bị các nhiệm vụ.
- GV gọi 2-3 HS chia sẻ cách đọc; một HS chia sẻ nội dung tiếp nhận được theo chỉ dẫn đọc ở cột bên phải văn bản; Tổ chức đọc minh họa và cho HS luyện đọc diễn cảm văn bản;

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, rút kinh nghiệm cách đọc; đồng thời giải thích thêm một số chỉ dẫn đọc và một số từ liên quan trực tiếp đến nội dung văn bản:
- + Phần chỉ dẫn trong khung bên phải trích đoạn: Từ ngữ để diễn tả hoàn cảnh của Kiều: *khóa xuân, xa trông, bẽ bàng, nửa tình nửa cảnh, chia tấm lòng*;
- + Biện pháp tả cảnh ngụ tình: từ dòng thơ 1 đến dòng 6; từ dòng 15 đến hết dòng 22; + Hình ảnh dự cảm tương lai của Kiều: *hoa trôi man mác, cánh bướm xa xa, nội cỏ rầu rầu, ầm ầm tiếng sóng*.

\*HD 2. Tìm hiểu các thông tin chung về văn bản

**Bước 1. Chuyển giao NV**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm cặp hoàn thiện PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01	
Tìm hiểu chung về đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”	
Yêu cầu	Nội dung
1. Vị trí đoạn trích	
2. Bối cảnh đoạn trích	
3. Nhân vật	
4. Sự việc chính chính	
5. Bố cục	6 câu đầu
	8 câu tiếp

+ Tin sương: tin tức (do từ sương tín trong chữ Hán, có nghĩa là tin tức trước khi trời có sương. Khi chim nhận phượng bắc bay về phương nam thì trời có sương rơi. Trong văn học, đôi khi dùng “tin nhận” cùng nghĩa với “tin sương”).

+ Sân Lai: sân nhà cha mẹ; lấy điển tích lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu (Trung Quốc) là người con hiếu thảo, tuổi đã cao nhưng vẫn nhảy múa ngoài sân để cho cha mẹ vui.

+ Gốc tử: theo điển cũ, cây dâu, cây tử (cây thị) là những cây thường được cha mẹ trông quanh nhà, do vậy, gốc tử được dùng để chỉ cha mẹ. Cả câu ý nói thời gian trôi đi, chắc cha mẹ nay đã già rồi.

**2. Tìm hiểu chung**

- Vị trí: đoạn trích nằm ở phần 2 của *Truyện Kiều*: *Gia biến và lưu lạc*, gồm 22 câu (từ câu 1033- 1054).

- Bối cảnh: Sau khi bị làm nhục, Kiều tự vẫn. Mụ chủ sợ mất “vốn” nên cho Kiều ra ở lầu Ngưng Bích và hứa hẹn sẽ gả chồng cho Kiều, nhưng thực chất là giam lỏng và chuẩn bị thực hiện âm mưu mới với nàng.

- Nhân vật: Thúy Kiều

- Sự việc chính: Tình cảnh cô đơn, buồn tủi, cùng nỗi nhớ và tâm trạng của nàng Kiều.

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.”): miêu tả tâm trạng cô đơn của Thúy Kiều khi ở trên lầu Ngưng Bích.

+ Phần 2: (tiếp theo đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”): thể hiện nỗi nhớ của Thúy Kiều đối với người yêu, đối với cha mẹ khi nàng bị giam trên lầu Ngưng Bích.

	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>8 câu cuối</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Phần 3: (phần còn lại): miêu tả nỗi buồn lo, cảm giác vô vọng về thân phận của Thúy Kiều</p>
<p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm việc nhóm, trao đổi và thống nhất nội dung PHT</li> <li>- GV gọi đại diện 1 nhóm HS trình bày nội dung; HS khác theo dõi, lắng nghe và nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu thêm thông tin về bối cảnh đoạn trích: Sau khi bị Mã Giám Sinh làm nhục, biết mình bị lừa bán vào lầu xanh, Kiều liều mình tự vẫn. Mụ chủ nhà chứa sợ mất “cả vốn lẫn lời” nên đã vờ hứa hẹn sẽ gả chồng cho Kiều, rồi đưa nàng ra ở lầu Ngưng Bích để kén chồng nhưng thực chất là giam lỏng và chuẩn bị thực hiện âm mưu bắt nàng phải tiếp khách làng chơi.</li> </ul>		

<p><b>II. Thực hành đọc hiểu văn bản</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm <i>Thực hành đọc hiểu văn bản</i> (theo nội dung PHT đã hướng dẫn phần Chuẩn bị)</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS nhận nhiệm vụ và chuẩn bị:</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả</b></p> <p>- GV nhận xét quá trình thảo luận nhóm và kết quả thực hành đọc hiểu của HS, chốt kiến thức trọng tâm trong văn bản; đồng thời mở rộng thông tin, bình giảng một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nghệ thuật độc đáo,... trong đoạn trích.</p>	<p><b>II. Thực hành đọc hiểu văn bản</b></p>
--	--

\* Dự kiến sản phẩm:

Thực hành đọc hiểu trích đoạn “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”

Yêu cầu	Nội dung
<p><b>1. Phân tích nghệ thuật tả cảnh trong 6 dòng thơ đầu.</b></p> <p>(Gợi ý: Khung cảnh được miêu tả ở sáu dòng thơ đầu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của Thúy Kiều?)</p> <p>* GV có thể dựa vào một số thông tin dưới đây để bình:</p> <p>- <i>Khung cảnh thiên nhiên được miêu tả là trước lầu Ngưng Bích qua điểm nhìn từ trên cao, từ tâm trạng của Kiều. Cảnh vật xa lạ, tĩnh mịch, lạnh lẽo, có cảm giác như đang bủa vây người con gái cô độc.</i></p> <p>- <i>Đặc sắc nghệ thuật, tác dụng: từ ghép “bồn bề” đứng cạnh từ láy “bát ngát”: gợi không gian rộng lớn không một bóng người. Cảnh vật gợi cảm giác cô đơn, rợn ngợp.</i></p>	<p><b>1. Phân tích nghệ thuật tả cảnh trong 6 dòng thơ đầu.</b></p> <p>- Nghệ thuật ước lệ và thủ pháp đối xứng qua những hình ảnh:  <i>“non xa” &gt;&lt; “trăng gần”, “còn nợ” &gt;&lt; “dặm kia”, “mây sớm” &gt;&lt; “đèn khuya”.</i>                      → Không gian rộng lớn, tĩnh lặng và vô hồn, không một bóng người; cảnh vật xa lạ, hoang vắng, quạnh hiu, màu sắc héo úa.                      → Thời gian “sớm”, “khuya” – một vòng tuần hoàn khép kín, trôi trong vô vọng, bó chặt cuộc sống của nàng Kiều trong sự cô độc;</p> <p>- Từ “bề bàng” diễn tả nỗi xấu hổ tủi thẹn của Kiều và <i>biện pháp tu từ</i> so sánh “<i>Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng</i>” → sự tĩnh lặng vô hồn ấy đối lập với sự trăn trở,</p>

<p>+ từ láy “bẽ bàng”: diễn tả nỗi xấu hổ tủi thẹn của Kiều, trong tâm trí nàng vẫn còn in đậm những sự việc vừa mới xảy ra: bị Mã Giám Sinh làm nhục, bị ép làm gái lầu xanh rồi giờ bị giam lỏng nơi đây.</p> <p>+ thành ngữ “mây sớm đèn khuya” chỉ thời gian tuần hoàn khép kín, một mình Kiều nơi đây làm nổi bật nỗi bơ vơ.</p> <p>+ phép so sánh “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” nói lên nỗi lòng Kiều như bị chia ra làm hai với trần trở, thao thức, lo sợ khôn nguôi, nửa dành cho cảnh, nửa dành cho tình; làm cho những tình cảm chất chứa trong lòng nàng thêm trĩu nặng.</p> <p>=&gt; Sáu câu thơ đầu được xây dựng bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, tả cảnh hoang vắng quanh hiu để khắc họa rõ tâm trạng cô đơn của Kiều.</p>	<p>thao thức, lo sợ khôn nguôi trong lòng người thiếu nữ đang đau khổ.</p> <p>=&gt; Sử dụng thành công nghệ thuật ước lệ, đối xứng kết hợp với biện pháp so sánh cùng từ láy gợi cảm đã miêu tả sinh động ngoại cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích. Qua đó, thể hiện nỗi cô đơn, sự lo sợ, bồn chồn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng nơi đây.</p>
<p><b>2. Phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua tám dòng thơ tiếp (từ dòng 7 đến dòng 14)</b> (Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúy Kiều lần lượt nhớ tới những ai? Theo em, trình tự nhớ đó có hợp lí không? Vì sao?</li> <li>- Theo em, tám dòng thơ này là lời của ai? Vì sao em biết điều đó? Những lời này có tác dụng gì trong việc thể hiện nội tâm nhân vật?)</li> </ul> <p>* GV có thể mở rộng:</p> <p>Nhà văn, nhà thơ có thể miêu tả tâm trạng qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tả cảnh ngụ tình: cách thức mượn thiên nhiên làm nơi chứa đựng trạng thái cảm xúc tâm lí, suy ngẫm của nhân vật. Là hình thức miêu tả nội tâm gián tiếp.</li> <li>+ Độc thoại nội tâm: cách thức bày tỏ tâm trạng trực tiếp của nhân vật. Vai trò dẫn truyện của nhà văn tạm thời mất đi nhường cho nhân vật tự bày tỏ cảm xúc, thế giới nội tâm của mình với chính bản thân mình và người đọc. Độc thoại nội tâm rất gần với bút pháp miêu tả tâm lí trong văn học hiện đại. Nó bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, giúp cho việc miêu tả nhân vật, đặc biệt là nội tâm của họ được biểu hiện một cách chân thật hơn.</li> <li>+ Trong Truyện Kiều: lời độc thoại, độc thoại nội tâm là những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu: Ở lầu Ngưng Bích, người đầu tiên mà Kiều nhớ là</li> </ul>	<p><b>2. Phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua tám dòng thơ tiếp (từ dòng 7 đến dòng 14)</b></p> <p>a) Nỗi nhớ của Thúy Kiều</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ Kim Trọng đầu tiên qua hình ảnh “tưởng người dưới nguyệt chén đồng”; → hình dung Kim Trọng nơi xa xôi đang mong chờ tin tức của mình. Qua đó, thể hiện tấm lòng thủy chung, đau đáu, cảm động qua hình ảnh “Tám son gột rửa”:</li> <li>- Sau đó nhớ về cha mẹ: “xót” thương cha mẹ ngày ngày “tựa cửa” ngóng tin con; “Quạt nồng ấp lạnh” (lo cho cha mẹ, thương cha mẹ già yếu mình không được chăm sóc); điển tích “Sân Lai” thể hiện tấm lòng hiếu thảo của Kiều lo cho người thân.</li> </ul> <p>→ Đó là trình tự hợp lí, bởi với cha mẹ, nàng đã gặp trước lúc cách xa, nàng cũng đã bán thân cứu cha nên vui bớt nỗi lo và làm tròn chữ hiếu. Nhưng với người nàng thương, Kim Trọng, chàng chưa biết tin gì về gia biến nhà nàng và nàng đau đớn, day dứt vì đã không giữ được lời thề bên chàng Kim.</p> <p>⇒ Thúy Kiều là người chung thủy, sống tình nghĩa, hiếu thảo, luôn biết lo nghĩ vì</p>

<p><i>Kim Trọng, tiếp đó là nỗi nhớ thương cha mẹ. Đây là những lời xuất phát từ tâm can Kiều khi nhớ lại những kỉ niệm với Kim Trọng và tưởng tượng ra cảnh chàng về tìm mình mà không gặp, tưởng tượng ra cảnh cha mẹ lo lắng cho mình, thương nhớ cha mẹ sẽ không có người chăm sóc. Chỉ có một mình nàng đối thoại với chính mình trên chiếc lầu chơ vơ giữa trời.</i></p> <p>-&gt; Những lời độc thoại của Thúy Kiều trong đoạn này đã diễn tả một cách sâu sắc thế giới nội tâm đầy trắc trở của Thúy Kiều.</p>	<p><i>người khác, trong khi nàng mới thực sự là người đáng thương nhất.</i></p> <p>b) Nghệ thuật miêu tả nội tâm</p> <p>Thúy Kiều nói với chính mình, bộc lộ nỗi nhớ, sự lo lắng, day dứt khôn nguôi với những người nàng yêu nhất đó là Kim Trọng và cha mẹ.</p> <p>→ Những lời độc thoại nội tâm này có tác dụng bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm chân thực, sinh động sâu sắc thế giới nội tâm đầy trắc trở của Thúy Kiều khi bị giam ở lầu Ngưng Bích.</p>
<p><b>3. Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong 8 dòng thơ cuối.</b></p> <p>(Gợi ý: Kiều ở lầu Ngưng Bích được coi là một trong những đoạn trích thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Hãy phân tích tám dòng thơ cuối để làm sáng rõ điều đó.)</p> <p>* GV có thể bình:</p> <p><i>Đoạn trích thể hiện sự thoảng thốt lo âu, có cả sự dự cảm hãi hùng. Nỗi buồn nhiều bề với nhiều sắc độ khác nhau, trào dâng lớp lớp như những con sóng lòng. Tất cả tạo nên âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc đoạn thơ, cũng là điệp khúc của tâm trạng buồn thương, cô độc của Thúy Kiều.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những “cánh buồm xa xa” chỉ là ước mong vô vọng mà thôi, nó chỉ càng khiến nàng thêm buồn rầu, thất vọng.</li> <li>- Nỗi buồn đó được đẩy đến cao trào mang màu sắc thân phận khi Thúy Kiều liên hệ cuộc đời mình với những cánh hoa lạc loài trôi theo dòng nước vô định, không phương hướng, không ngày trở lại, là những dự cảm vô thức về tương lai mờ mịt của Thúy Kiều. + Nỗi buồn đau dâng trào biến thành nỗi hoảng loạn, khiếp sợ, khi khoảng cách tầm nhìn càng thu hẹp, khi nàng phải đối diện với chính mình: Con sóng lớn găm thét dưới chân lầu Ngưng Bích ấy cũng chính là con sóng bi kịch đang giằng xé lòng Kiều.</li> </ul>	<p><b>3. Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong 8 dòng thơ cuối.</b></p> <p><i>Buồn trông cửa bể chiều hôm</i> <i>Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- thời gian nghệ thuật đượm buồn “chiều hôm”; không gian nghệ thuật rộng lớn “cửa bể” → gợi về hiu quạnh, thê lương.</li> <li>- từ láy “thấp thoáng”, “xa xa” gợi tả giữa trùng khơi sóng nước mênh mông chỉ thấy ẩn hiện như hư, như thực cánh buồm thấp thoáng → gợi hành trình mờ mịt không biết đâu là bến bờ, nỗi cô đơn, lạc lõng bơ vơ.</li> <li>“<i>Buồn trông ngọn nước mới sa</i> <i>Hoa trôi man mác biết là về đâu?</i>”</li> <li>- “Dòng nước mới sa” hình ảnh ẩn dụ về dòng đời, bể đời vô định;</li> <li>- hình ảnh “hoa trôi man mác” thân phận người con gái đang trôi dạt, đang bị vùi dập trước sóng gió cuộc đời</li> <li>- câu hỏi tu từ “biết là về đâu?” như tiếng than diễn tả tâm trạng xót xa, hoang mang, nỗi buồn lưu lạc, là những dự cảm vô thức về tương lai mờ mịt như cánh hoa mỏng manh kia.</li> <li>“<i>Buồn trông nội cỏ rầu rầu</i> <i>Chân mây mặt đất một màu xanh xanh</i>”</li> <li>- Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” héo úa với màu xanh nhạt nhòa trải dài từ mặt đất đến chân mây → là hình ảnh của thiên nhiên héo úa,</li> </ul>



<p><i>Việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên ở đây đã diễn tả sâu sắc thế giới nội tâm đầy đau khổ, bế tắc, vô vọng của Thúy Kiều.</i></p>	<p>tàn phai; gọi sự vô vọng, tái tê về cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh không biết kéo dài đến tận bao giờ.</p> <p><i>“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”</i></p> <p>- hình ảnh gió cuốn trên “mặt duềnh” làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên “ầm ầm” như búa vây quanh ghế Kiều ngồi → như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời và cũng là tiếng kêu đau đớn, sự kinh hãi trước bão táp cuộc đời, tai ương đang rình rập, bủa vây.</p> <p>=&gt; sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện, thủ pháp tăng cấp, điệp ngữ, nhân hóa, từ láy và câu hỏi tu từ: 8 dòng cuối Thúy Kiều đối diện với chính mình, thực cảnh chính là tâm cảnh. Mỗi cảnh vật khắc họa những cung bậc cảm xúc và trạng thái tâm lý khác nhau của nàng Kiều.</p>
<p><b>4. Tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.</b> * GV có thể bình: <i>Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng viết: "Tiếng nói Việt Nam trong "Truyện Kiều" như làm bằng ánh sáng vậy, nó trong suốt như dòng suối, dòng suối long lanh đáy nước in trời"..., Dòng suối ấy hòa tan và làm trong trẻo cả những điển tích, những từ Hán Việt xa lạ để biến nó thành thơ, thành nhạc trong tiếng nói Việt Nam. Đặc biệt ở những đoạn diễn tả trực tiếp tâm trạng, những tình cảm sâu sắc, chân thực của con người, lời thơ càng giản dị truyền cảm: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".</i></p>	<p><b>III. Tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.</b></p> <p>1) Giá trị nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng sáng tạo thể thơ lục bát</li> <li>- Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...)</li> <li>- Ngôn ngữ độc thoại kết hợp với các hình ảnh ước lệ thể hiện tâm trạng, nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau</li> </ul> <p>2) Giá trị nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.</li> <li>- Đồng thời cho độc giả hiểu về số phận người phụ nữ trong chế độ phong kiến; đẹp về ngoại hình và nhân phẩm (tài sắc vẹn toàn; chung thủy son sắt; hiếu thảo; nhân hậu, bao dung nhưng đau khổ, bất hạnh, oan khuất, hồng nhan đa truân gặp bi kịch</li> </ul>



	<p>về tình yêu, quyền sống và quyền hạnh phúc;</p> <p>- Trích đoạn cũng thể hiện tấm lòng nhân đạo qua sự thấu hiểu, niềm cảm thương sâu sắc cho cảnh ngộ, thân phận và thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo trả đũa lên nhân phẩm, cuộc đời của Thúy Kiều cũng như số phận người phụ nữ.</p>
Câu 4, 5	HS chia sẻ theo cảm nhận riêng

### 3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a. *Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức đã học về đoạn trích để kết nối với hoạt động viết đoạn văn.

b. *Nội dung:* GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, kỹ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn HS chuyển thơ thành văn xuôi.

c. *Sản phẩm:* Đoạn văn của HS.

d. *Tổ chức thực hiện:*

- GV nêu yêu cầu: Em hãy chuyển nội dung 14 dòng thơ đầu thành một đoạn văn xuôi.

- HS nghe hướng dẫn, độc lập thực hiện từng bước:

+ đọc lại 14 dòng thơ đầu;

+ xác định những nội dung chính;

+ Viết thành một đoạn văn xuôi.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp theo hình thức cá nhân vào vở ghi.

- GV tổ chức cho 2 - 3 HS chiếu sản phẩm của mình; HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét quá trình thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ của HS, yêu cầu HS có thể hoàn thiện lại đoạn văn sau khi nghe các bạn chia sẻ, hoặc góp ý cho mình. GV lưu ý trong truyện thơ Nôm, một đặc sắc điển hình là nghệ thuật tự sự, nên diễn xuôi là một thao tác cần thiết để hiểu hơn về văn bản.

*\* Dự kiến sản phẩm:*

Bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích thì Thúy Kiều đã biết rằng nơi này sẽ chôn vùi cả tuổi xuân của mình. Đứng trên lầu cao nhìn ra xung quanh, nàng chỉ thấy dãy núi trập trùng và mảnh trăng xa vắng, nhìn thì xa ngút tầm mắt. Xung quanh nàng là bốn bề bát ngát, những cồn cát vàng, những bụi hồng gai. Nhìn những cảnh vật như xa, như gần, như hư, như thực xung quanh, Thúy Kiều càng thấm thía sự nhỏ bé và nỗi cô đơn đến cùng cực của bản thân. Dường như cảnh vật xung quanh cũng đồng cảm với nỗi đau của Kiều, cảnh cỏ ngọn cây đều mang sự u sầu, nhìn chúng càng cảm thấy trống trải, cô đơn, khắc

khỏi. Thúy Kiều nhớ về những ngày tháng bình yên và hạnh phúc xưa kia, nhớ về cuộc gặp gỡ tình cờ và mối lương duyên với Kim Trọng. Chàng là mối tình đầu của Thúy Kiều, là người đã cùng Thúy Kiều thề hẹn ước nguyện. Tình yêu của nàng dành cho Kim Trọng chưa từng đổi thay, thế nhưng giờ đây đã không còn xứng với tình yêu của chàng nữa. Thúy Kiều lại nhớ về cha mẹ mà lòng xót thương, những người sinh thành nhưng giờ Thúy Kiều lại không thể phụng dưỡng, chăm sóc lúc về già.

<p><b>* HĐ3: Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu đoạn trích truyện thơ Nôm</b></p> <p><b>Bước 1. Chuyển giao NV</b></p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm về kĩ năng đọc hiểu một đoạn trích truyện thơ Nôm;</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện NV</b></p> <p>- HS đọc lập chuẩn bị câu trả lời.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo</b></p> <p>- GV gọi một số HS chia sẻ những trải nghiệm và kinh nghiệm đọc hiểu văn bản của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4. Đánh giá kết quả</b></p> <p>- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và lưu ý những kĩ năng cần chú ý khi đọc hiểu một đoạn trích truyện thơ Nôm.</p>	<p><b>V. Kinh nghiệm đọc hiểu truyện thơ Nôm</b></p> <p>- Tìm đọc toàn bộ văn bản; ghi nhớ được tên văn bản, tên tác giả. Với các truyện Nôm có cốt truyện từ văn học dân gian cần tìm đọc văn bản dân gian để có cái nhìn so sánh, đối chiếu.</p> <p>- Tóm tắt được đoạn trích, xác định vị trí đoạn trích trong kết cấu văn bản.</p> <p>- Đọc kĩ toàn bộ phần chú giải của văn bản, chú ý ghi nhớ phần giải thích các điển tích, điển cố.</p> <p>- Phân tích được nghệ thuật xây dựng nhân vật truyện thơ Nôm qua các phương diện: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm lí; từ đó, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.</p> <p>- Chỉ ra được nội dung của văn bản. Phân tích được cảm hứng nghệ thuật của tác giả được thể hiện trong tác phẩm.</p> <p>- Nêu được thông điệp, bài học nhân văn mà truyện thơ Nôm đem đến cho người đọc.</p>
---	---

**\* Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

**Thực hành đọc hiểu**

- HS tìm hiểu trước khái niệm và ví dụ về các điển tích, điển cố trong phần *Kiến thức Ngữ văn*
- Sưu tầm truyện “Tái ông thất mã” và một số điển cố, điển tích phổ biến.